

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/6/2016**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị:**

Ông Chen Hui Zun	Chủ tịch
Ông Lee Mo Ting	Thành viên
Ông Tsai Ching Feng	Thành viên
Bà Đàm Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Hung Kuang Ching	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2016) / Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11/4/2016)
Ông Trần Văn Sinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2016) / Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/4/2016)

#### **Ban Kiểm soát:**

Ông Tseng Sen Hsien	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên
Bà Trần Thanh Thiệt	Thành viên

### **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trần Văn Sinh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Số: 160/DFK-HCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT

### THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Gạch men Chang Yih**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch men Chang Yih (gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 3 đến trang 20 kèm theo.

#### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Lương Nhân**  
**Giám đốc**

*Chứng chỉ hành nghề Kiểm toán viên*  
*số 0182-2013-042-101*

*Thay mặt và đại diện cho:*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM**

*Ngày 12 tháng 8 năm 2016*

*Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*



**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Kiểm toán viên**

*Chứng chỉ hành nghề Kiểm toán viên*  
*số 0985-2013-042-101*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>235.584.636.142</b>	<b>209.897.908.205</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>3.542.920.343</b>	<b>1.115.823.542</b>
1. Tiền	111		3.542.920.343	1.115.823.542
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>21.864.331.679</b>	<b>26.559.036.237</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		36.347.825.756	43.505.570.007
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.808.816.281	1.783.145.080
3. Các khoản phải thu khác	136		3.526.329.809	1.088.961.317
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(19.818.640.167)	(19.818.640.167)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>194.810.396.597</b>	<b>169.341.029.218</b>
1. Hàng tồn kho	141		197.873.699.278	182.499.466.656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.063.302.681)	(13.158.437.438)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.366.987.523</b>	<b>12.882.019.208</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>7</b>	9.329.736.622	4.915.314.164
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.061.837.451	7.636.680.155
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		975.413.450	330.024.889
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>100.774.166.921</b>	<b>110.093.564.425</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>88.900.244.888</b>	<b>94.636.124.161</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	88.900.244.888	94.636.124.161
- Nguyên giá	222		322.150.682.105	321.999.773.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(233.250.437.217)	(227.363.648.844)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>106.394.674</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	106.394.674
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.873.922.033</b>	<b>15.351.045.590</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>9</b>	11.873.922.033	15.351.045.590
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>336.358.803.063</b>	<b>319.991.472.630</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

**MẪU B 01-DN**

**ĐVT: VNĐ**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>269.654.100.532</b>	<b>254.389.482.466</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>221.931.300.532</b>	<b>197.779.303.087</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	66.702.474.548	69.449.858.393
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	44.595.056.310	16.243.661.612
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		328.525.206	173.654.866
4. Phải trả công nhân viên	314		2.006.628.935	2.870.536.804
5. Chi phí phải trả	315	12	5.946.948.647	6.725.815.927
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	5.259.515.613	3.365.666.496
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	97.092.151.273	98.950.108.989
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.722.800.000</b>	<b>56.610.179.379</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	47.722.800.000	56.610.179.379
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>66.704.702.531</b>	<b>65.601.990.164</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	16	<b>66.704.702.531</b>	<b>65.601.990.164</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.478.550.000	90.478.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		90.478.550.000	90.478.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		829.809.325	829.809.325
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.309.325)	(18.309.325)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.585.347.469)	(25.688.059.836)
- LNSTCPP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(25.688.059.836)	11.803.350.272
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.102.712.367	(37.491.410.108)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>336.358.803.063</b>	<b>319.991.472.630</b>



Thân Thị Tâm  
Người lập  
Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thị Hồng Phúc  
Kế toán trưởng



Trần Văn Sinh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016**MẪU B 02-DN**  
**Đơn vị: VNĐ**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
1. Doanh thu bán hàng	01		113.887.328.467	152.940.978.456
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(1.067.256.984)	(326.877.376)
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	18	112.820.071.483	152.614.101.080
4. Giá vốn hàng bán	11	19	99.034.449.411	142.787.998.622
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>13.785.622.072</b>	<b>9.826.102.458</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.303.841.317	69.733.424
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	21	5.067.201.320	8.020.440.252
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.596.908.984</i>	<i>6.021.103.475</i>
8. Chi phí bán hàng	24	22	3.095.257.002	5.666.830.189
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	5.802.432.999	5.386.059.137
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.124.572.068</b>	<b>(9.177.493.696)</b>
11. Thu nhập khác	31		297.209.964	335.412.040
12. Chi phí khác	32		319.069.665	792.919.835
13. Lợi nhuận khác	40		(21.859.701)	(457.507.795)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.102.712.367</b>	<b>(9.635.001.491)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.102.712.367</b>	<b>(9.635.001.491)</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61		122	(1.065)



Thân Thị Tâm  
Người lập  
Ngày 12 tháng 8 năm 2016


Nguyễn Thị Hồng Phúc  
Kế toán trưởngTrần Văn Sinh  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MẪU B 03-DN  
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lãi trước thuế	01	1.102.712.367	(9.635.001.491)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.886.788.373	5.817.053.050
Các khoản dự phòng	03	(10.095.134.757)	(11.328.416.466)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	04	(764.975.165)	(1.804.210.358)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.720.323)	(12.931.830)
Chi phí lãi vay	06	4.596.908.984	6.021.103.475
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	723.579.479	(10.942.403.620)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	6.477.759.795	(5.788.092.169)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(15.374.232.622)	50.892.477.973
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	25.140.636.676	(33.406.873.864)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(830.904.227)	3.955.503.590
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.489.195.236)	(5.324.576.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.647.643.865	(613.964.185)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(150.909.100)	(1.106.626.250)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	2.720.323	12.931.830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(148.188.777)	(1.093.694.420)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	118.331.654.197	107.241.289.433
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(128.404.012.484)	(108.290.247.831)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.072.358.287)	(1.048.958.398)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.427.096.801	(2.756.617.003)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.115.823.542	6.906.199.320
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.542.920.343	4.149.582.317

  
Thân Thị Tâm  
Người lập  
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

  
Nguyễn Thị Hồng Phúc  
Kế toán trưởng

  
Trần Văn Sinh  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (“Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033000269 ngày 19 tháng 10 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp (thay thế cho Giấy phép Đầu tư số 52/GP-KCN-ĐN ngày 01 tháng 9 năm 2000 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp và Giấy phép Đầu tư số 52CPH/GP-KCN-ĐN ngày 06 tháng 02 năm 2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp). Thời gian hoạt động của Công ty là 47 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2000.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 06 tháng 02 năm 2006 theo Giấy phép số 51/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 6 năm 2005 do Chủ tịch UBCK Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 355 người (01/01/2016: 355 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại gạch men và gạch mỹ thuật trang trí chất lượng cao; xây dựng công trình dân dụng.

Trụ sở của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu, các khoản đầu tư và các tài sản tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và công nợ tài chính khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn dưới 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-10
Máy móc, thiết bị	05-12

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, công trình showroom và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các khoản chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2016	01/01/2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	16.595.494	15.012.456
Tiền gửi ngân hàng	3.526.324.849	1.100.811.086
+ VNĐ	3.404.707.955	998.504.209
+ USD	121.616.894	102.306.877
	<u><b>3.542.920.343</b></u>	<u><b>1.115.823.542</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	30/6/2016	01/01/2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng	36.347.825.756	43.505.570.007
+ Khách hàng nước ngoài	1.261.155.882	2.051.788.476
+ Khách hàng trong nước	35.086.669.874	41.453.781.531
Trả trước cho người bán	1.808.816.281	1.783.145.080
+ Khách hàng nước ngoài	1.001.646.355	1.200.274.086
+ Khách hàng trong nước	807.169.926	582.870.994
Các khoản phải thu khác	3.526.329.809	1.088.961.317
	<b>41.682.971.846</b>	<b>46.377.676.404</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(19.818.640.167)	(19.818.640.167)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>21.864.331.679</b>	<b>26.559.036.237</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2016	01/01/2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	36.589.633.445	39.268.811.290
Công cụ dụng cụ	501.311.856	286.199.022
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.291.382.289	15.690.863.779
Thành phẩm	146.491.371.688	127.253.592.565
	<b>197.873.699.278</b>	<b>182.499.466.656</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.063.302.681)	(13.158.437.438)
	<b>194.810.396.597</b>	<b>169.341.029.218</b>

Một phần thành phẩm tồn kho trị giá 80.000.000.000 VNĐ của Công ty đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch (trình bày tại Thuyết minh số 14).

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	2016	2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01/01	4.915.314.164	8.795.798.644
Tăng trong kỳ	12.939.422.391	719.418.229
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(8.524.999.933)	(8.257.622.760)
<b>Tại ngày 30/6</b>	<b>9.329.736.622</b>	<b>1.257.594.113</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	30/6/2016	01/01/2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng	36.347.825.756	43.505.570.007
+ Khách hàng nước ngoài	1.261.155.882	2.051.788.476
+ Khách hàng trong nước	35.086.669.874	41.453.781.531
Trả trước cho người bán	1.808.816.281	1.783.145.080
+ Khách hàng nước ngoài	1.001.646.355	1.200.274.086
+ Khách hàng trong nước	807.169.926	582.870.994
Các khoản phải thu khác	3.526.329.809	1.088.961.317
	<b>41.682.971.846</b>	<b>46.377.676.404</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(19.818.640.167)	(19.818.640.167)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>21.864.331.679</b>	<b>26.559.036.237</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2016	01/01/2016
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	36.589.633.445	39.268.811.290
Công cụ dụng cụ	501.311.856	286.199.022
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.291.382.289	15.690.863.779
Thành phẩm	146.491.371.688	127.253.592.565
	<b>197.873.699.278</b>	<b>182.499.466.656</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.063.302.681)	(13.158.437.438)
	<b>194.810.396.597</b>	<b>169.341.029.218</b>

Một phần thành phẩm tồn kho trị giá 80.000.000.000 VNĐ của Công ty đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch (trình bày tại Thuyết minh số 14).

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	2016	2015
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01/01	4.915.314.164	8.795.798.644
Tăng trong kỳ	12.939.422.391	719.418.229
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(8.524.999.933)	(8.257.622.760)
<b>Tại ngày 30/6</b>	<b>9.329.736.622</b>	<b>1.257.594.113</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	76.217.678.280	239.211.705.921	5.713.628.707	856.760.097	321.999.773.005
Mua trong kỳ	150.909.100	-	-	-	150.909.100
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2016	76.368.587.380	239.211.705.921	5.713.628.707	856.760.097	322.150.682.105
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	(32.096.664.174)	(192.248.034.239)	(2.429.128.517)	(589.821.914)	(227.363.648.844)
Khấu hao trong kỳ	(1.535.728.578)	(4.125.268.053)	(210.591.744)	(15.199.998)	(5.886.788.373)
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2016	(33.632.392.752)	(196.373.302.292)	(2.639.720.261)	(605.021.912)	(233.250.437.217)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2016	44.121.014.106	46.963.671.682	3.284.500.190	266.938.183	94.636.124.161
Tại ngày 30/6/2016	42.736.194.628	42.838.403.629	3.073.908.446	251.738.185	88.900.244.888

Như trình bày tại các Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị có giá trị còn lại là 50.102.267.125 VNĐ để đảm bảo cho các khoản nợ vay tại ngân hàng.

Tài sản cố định của Công ty bao gồm một số máy móc, thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 165.092.841.104 VNĐ.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Tại ngày 01/01	15.351.045.590	14.016.367.710
Tăng trong kỳ	3.343.638.875	12.169.311.746
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(6.820.762.432)	(8.085.622.410)
Tại ngày 30/6	11.873.922.033	18.100.057.046

**10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Nhà cung cấp nước ngoài	7.455.417.894	14.116.064.717
Nhà cung cấp trong nước	59.247.056.654	55.333.793.676
	66.702.474.548	69.449.858.393

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/6/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Nhà cung cấp nước ngoài	33.101.994.554	10.533.722.559
Nhà cung cấp trong nước	11.493.061.756	5.709.939.053
	<b>44.595.056.310</b>	<b>16.243.661.612</b>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả	5.861.561.317	4.533.752.631
Chi phí khác	85.387.330	2.192.063.296
	<b>5.946.948.647</b>	<b>6.725.815.927</b>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Kinh phí công đoàn	69.673.540	33.068.480
Bảo hiểm xã hội	472.357.707	543.412.476
Bảo hiểm y tế	48.105.989	52.967.707
Bảo hiểm thất nghiệp	20.210.299	22.371.310
Phải trả khác	4.649.168.078	2.713.846.523
	<b>5.259.515.613</b>	<b>3.365.666.496</b>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Nhơn Trạch	51.022.880.850	52.223.772.062
Ông Chen Hui Zun	3.176.470.423	-
Nợ dài hạn đến hạn trả:	42.892.800.000	46.726.336.927
<i>Chyih Investment Co., Ltd</i>	42.892.800.000	43.276.800.000
Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Nhơn Trạch	-	3.449.536.927
	<b>97.092.151.273</b>	<b>98.950.108.989</b>

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Nhơn Trạch theo hình thức tín dụng thư. Khoản vay này có thể rút bằng VNĐ hoặc USD với hạn mức tối đa là 90.000.000.000 VNĐ. Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này chịu lãi suất theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng Vietcombank. Lãi vay được thanh toán hàng tháng. Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị và một phần thành phẩm tồn kho để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 6 và 8).

Khoản vay ngắn hạn VNĐ cá nhân ông Chen Hui Zun theo hợp đồng vay vốn cá nhân số 1606001/HĐVCN/2016 ngày 07/6/2016. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 06/6/2016 đến 06/6/2017 với lãi suất 8,00%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Ông Chen Hui Zun	16.000.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Nhơn Trạch	-	8.603.379.379
Vay dài hạn USD - Chyih Investment	31.722.800.000	32.006.800.000
	<b>47.722.800.000</b>	<b>56.610.179.379</b>

Khoản vay cá nhân Ông Chen Hui Zun theo hợp đồng vay vốn cá nhân ngày 01 tháng 8 năm 2012. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 01/8/2012 đến 31/7/2017 với lãi suất 13,5% năm.

Khoản vay 4.000.000,00 USD từ Công ty Chyih Investment Co., Ltd. theo Hợp đồng CYI/TL/05/01 ngày 10 tháng 7 năm 2001 và Phụ lục Hợp đồng PL201305/CYI/TL/05/01 ngày 12/5/2013 với lãi suất 3%/năm để bổ sung vốn hoạt động, thời hạn vay từ 13/5/2013 đến 12/5/2018. Khoản vay này đã đăng ký và được chấp thuận bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Công văn số 1644/CV-QLNH ngày 08 tháng 11 năm 2001 và Công văn số 600/NHNN-ĐNA1 ngày 06 tháng 6 năm 2013 bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:	30/6/2016	01/01/2016
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	15.861.400.000	19.452.936.927
Trong năm thứ hai	15.861.400.000	19.452.936.927
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	31.861.400.000	37.157.242.452
Sau năm năm	-	-
	<b>63.584.200.000</b>	<b>76.063.116.306</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(15.861.400.000)	(19.452.936.927)
Số phải trả sau 12 tháng	<b>47.722.800.000</b>	<b>56.610.179.379</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2015	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	11.803.350.272	103.093.400.272
Lỗ trong năm	-	-	-	(37.491.410.108)	(37.491.410.108)
Tại ngày 31/12/2015	<b>90.478.550.000</b>	<b>829.809.325</b>	<b>(18.309.325)</b>	<b>(25.688.059.836)</b>	<b>65.601.990.164</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.102.712.367	1.102.712.367
Tại ngày 30/6/2016	<b>90.478.550.000</b>	<b>829.809.325</b>	<b>(18.309.325)</b>	<b>(24.585.347.469)</b>	<b>66.704.702.531</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***17. CỔ PHIẾU**

	30/6/2016	01/01/2016
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	9.047.855	9.047.855
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	9.047.855	9.047.855
- Cổ phần phổ thông	9.047.855	9.047.855
- Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.430	1.430
- Cổ phần phổ thông	1.430	1.430
- Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.046.425	9.046.425
- Cổ phần phổ thông	9.046.425	9.046.425
- Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá: 10.000 VND/Cổ phần

**18. DOANH THU**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
Doanh thu xuất khẩu	12.362.524.498	29.501.391.141
Doanh thu nội địa	101.057.636.693	123.131.955.057
Doanh thu khác	467.167.276	307.632.258
	<b>113.887.328.467</b>	<b>152.940.978.456</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	-	(70.522.146)
Hàng bán bị trả lại	(373.706.046)	(217.518.610)
Giảm giá hàng bán	(693.550.938)	(38.836.620)
	<b>112.820.071.483</b>	<b>152.614.101.080</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm	109.129.584.168	154.116.415.088
Dự phòng giảm giá HTK	(10.095.134.757)	(11.328.416.466)
	<b>99.034.449.411</b>	<b>142.787.998.622</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.720.323	12.931.830
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.188.188.310	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	112.932.684	56.801.594
	<b>1.303.841.317</b>	<b>69.733.424</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,  
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ
Chi phí lãi vay	4.596.908.984	6.021.103.475
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	423.213.145	1.804.210.358
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	47.079.191	195.126.419
	<b>5.067.201.320</b>	<b>8.020.440.252</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ
Chi phí lương nhân viên	1.048.463.897	745.703.885
Chi phí vật liệu, bao bì	187.042.114	535.118.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.434.317.746	3.424.129.881
Chi phí khác bằng tiền	425.433.245	961.878.319
	<b>3.095.257.002</b>	<b>5.666.830.189</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	3.558.008.993	3.329.794.665
Chi phí đồ dùng văn phòng	437.122.258	442.023.111
Chi phí khấu hao TSCĐ	304.263.846	308.779.197
Thuế, phí và lệ phí	26.325.000	22.235.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.183.476.938	1.028.593.823
Chi phí bằng tiền khác	293.235.964	259.633.341
	<b>5.802.432.999</b>	<b>5.386.059.137</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	104.940.361.408	83.144.370.367
Chi phí nhân công	13.375.040.716	16.574.634.111
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.312.216.463	5.509.913.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.158.884.930	11.025.188.806
Chi phí bằng tiền khác	993.666.331	1.224.911.660
	<b>138.780.169.848</b>	<b>117.479.018.792</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	1.102.712.367	(9.635.001.491)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.102.712.367)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	-	<b>(9.635.001.491)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Hoạt động kinh doanh chính	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	-	-

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.542.920.343	1.115.823.542
Các khoản phải thu	41.682.971.846	46.377.676.404
Đầu tư dài hạn	-	-
<b>45.225.892.189</b>	<b>47.493.499.946</b>	
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	144.814.951.273	155.560.288.368
+ Ngắn hạn	97.092.151.273	98.950.108.989
+ Dài hạn	47.722.800.000	56.610.179.379
Phải trả người bán và phải trả khác	71.961.990.161	72.815.524.889
Chi phí phải trả	5.946.948.647	6.725.815.927
<b>222.723.890.081</b>	<b>235.101.629.184</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 năm - 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại 30/6/2016</b>			
Các khoản vay	97.092.151.273	47.722.800.000	144.814.951.273
Phải trả người bán và phải trả khác	71.961.990.161	-	71.961.990.161
Chi phí phải trả	5.946.948.647	-	5.946.948.647
	<b>175.001.090.081</b>	<b>47.722.800.000</b>	<b>222.723.890.081</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Các khoản vay	98.950.108.989	56.610.179.379	155.560.288.368
Phải trả người bán và phải trả khác	72.815.524.889	-	72.815.524.889
Chi phí phải trả	6.725.815.927	-	6.725.815.927
	<b>178.491.449.805</b>	<b>56.610.179.379</b>	<b>235.101.629.184</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại 30/6/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.542.920.343	-	3.542.920.343
Các khoản phải thu	41.682.971.846	-	41.682.971.846
Đầu tư dài hạn	-	-	-
	<b>45.225.892.189</b>	<b>-</b>	<b>45.225.892.189</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.115.823.542	-	1.115.823.542
Các khoản phải thu	46.377.676.404	-	46.377.676.404
Đầu tư dài hạn	-	-	-
	<b>47.493.499.946</b>	<b>-</b>	<b>47.493.499.946</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VNĐ	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VNĐ
<b>Trả lãi vay dài hạn</b>		
Ông Chen Hui Zun	1.038.666.664	1.160.000.000
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ông Chen Hui Zun	3.176.470.423	-
<b>Lãi vay dài hạn phải trả</b>		
Chyih Investment Co., Ltd.	1.118.816.500	1.076.841.050
Ông Chen Hui Zun	1.080.000.000	1.159.999.998

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ông Chen Hui Zun	3.176.470.423	-
<b>Vay dài hạn phải trả</b>		
Chyih Investment Co., Ltd.	74.615.600.000	75.283.600.000
Ông Chen Hui Zun	16.000.000.000	16.000.000.000
<b>Lãi vay dài hạn phải trả</b>		
Chyih Investment Co., Ltd.	5.459.235.799	4.340.419.299
Ông Chen Hui Zun	234.666.668	193.333.332

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Trong vòng một năm	949.784.885	1.899.569.770
Trong năm thứ hai	1.899.569.770	1.899.569.770
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.698.709.310	5.698.709.310
Sau năm thứ năm	48.122.432.295	49.072.217.180
	<b>56.670.496.260</b>	<b>58.570.066.030</b>

Công ty hàng năm phải trả tiền thuê đối với diện tích 102.775 m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch với giá thuê 0,82 USD/m<sup>2</sup>/năm theo quy định tại Hợp đồng thuê lại đất số 985/CT-ĐT ngày 25/10/2000, Phụ lục số 97/CT-KHĐT ngày 20/01/2005 và Phụ lục số 1226/CT-ĐT-PLHĐ ngày 03/12/2005.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 vì lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty là gạch men, ngoài ra các hàng hóa, dịch vụ khác chủ yếu là phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng rất nhỏ, dưới 10%).

Do đó Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty và báo cáo tài chính của Công ty không thuộc phạm vi áp dụng yêu cầu trình bày như quy định của chuẩn mực.



Thân Thị Tâm  
Người lập  
Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thị Hồng Phúc  
Kế toán trưởng



Trần Văn Sinh  
Tổng Giám đốc